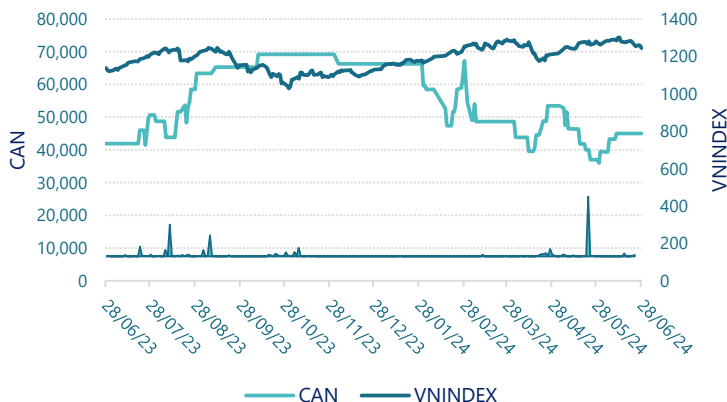


CTCP Đồ hộp Hạ Long (HNX: CAN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	45,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	69,210
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
SL cổ phiếu LH	5,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	220
% sở hữu nước ngoài	26.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
P/E	159.6
EPS	282

DT thuần

Q2/24

165

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 0.5%

YoY: ▼25.0 | -13.3%

LN sau thuế

Q2/24

-2.31

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.48 | 60.1%

YoY: ▼5.30 | -177%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

-0.4%

+/- YoY: ▼ 4.1%

DT thuần

6T 2024

329

tỷ VNĐ

YoY: ▼49.0 | -12.9%

LN sau thuế

6T 2024

-8.09

tỷ VNĐ

YoY: ▼10.7 | -409%

ROE

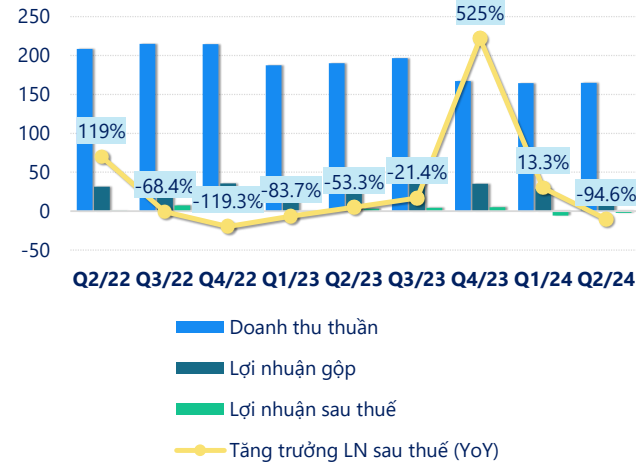
Q2/24

1.0%

+/- YoY: ▼ 7.4%

tỷ VNĐ

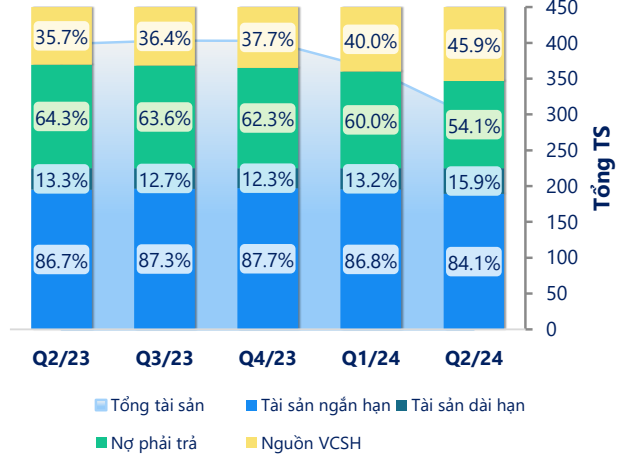
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

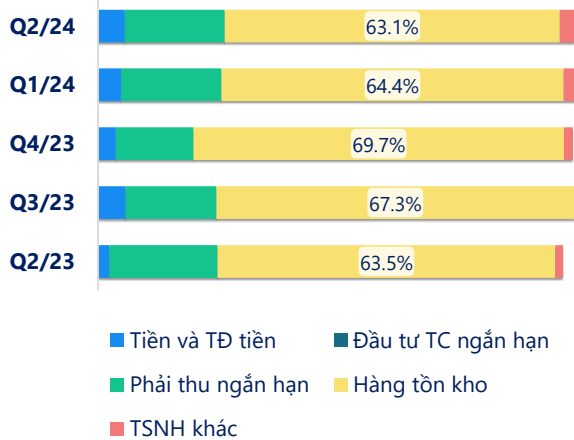
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



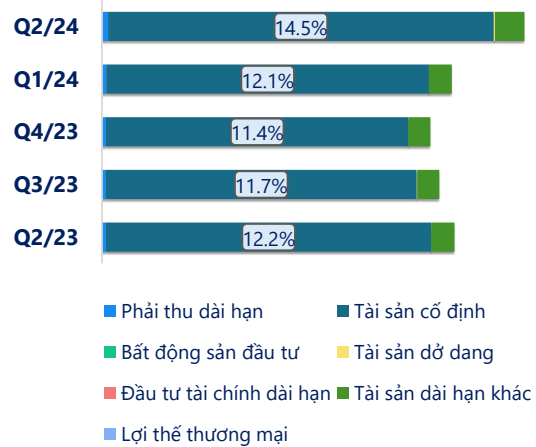
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

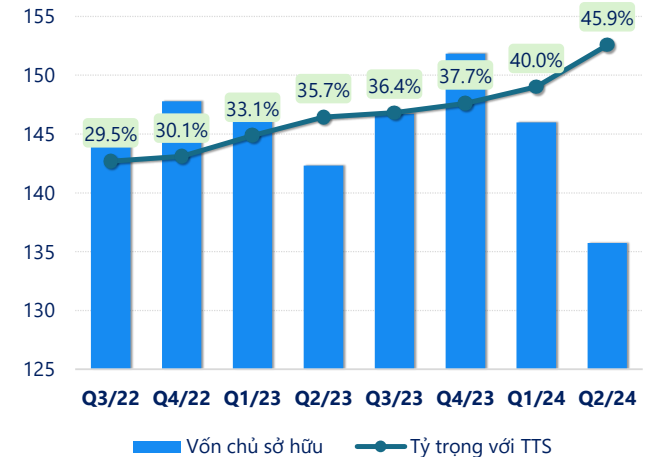
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

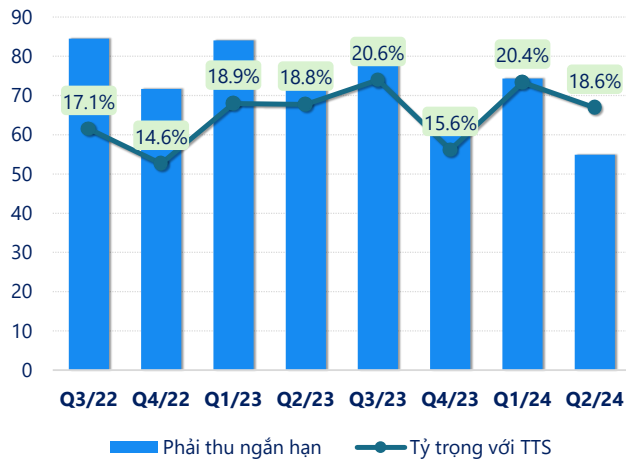
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



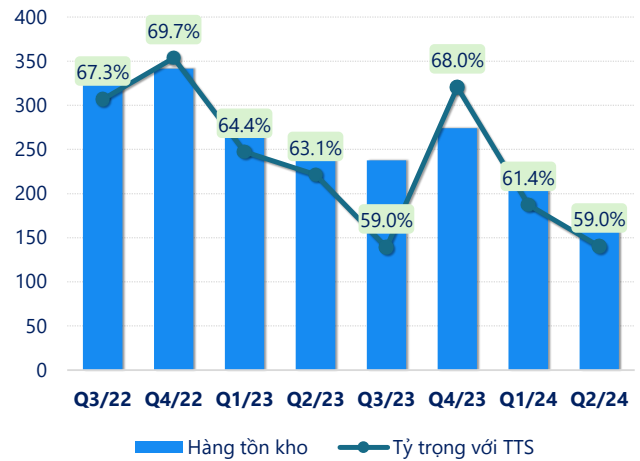
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


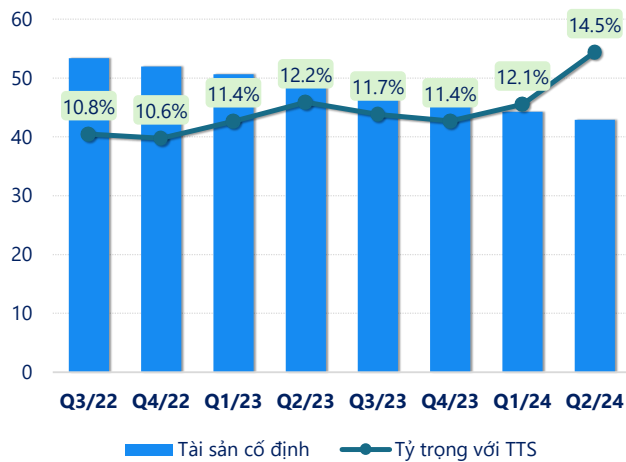
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


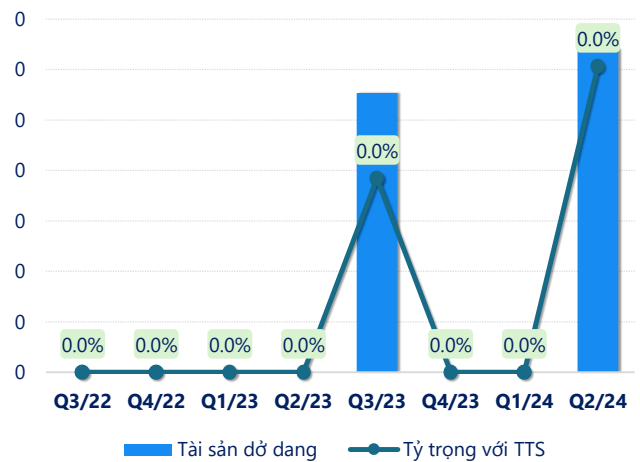
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

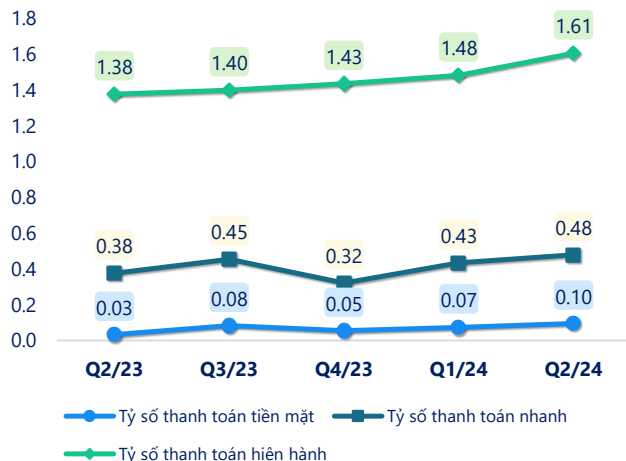
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

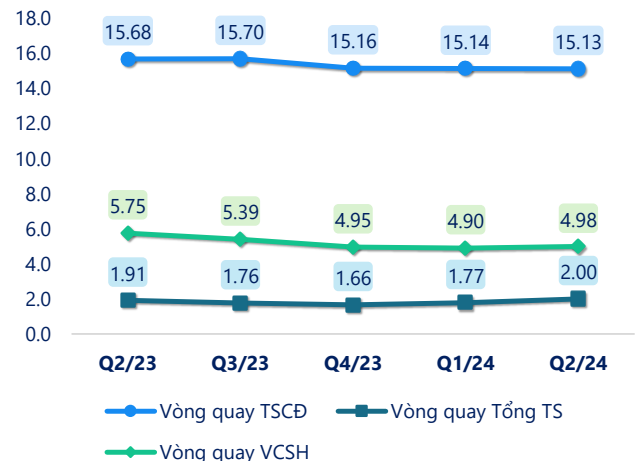
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	398	403	403	365	296
Tài sản ngắn hạn	345	352	353	317	249
Tiền và tương đương tiền	8.26	20.8	13.4	15.7	14.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	74.9	82.9	62.9	74.3	54.9
Hàng tồn kho	251	238	274	224	174
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	10.7	2.82	2.91	4.52
Tài sản dài hạn	52.8	51.1	49.7	48.0	47.0
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.60	0.60	0.67
Tài sản cố định	48.7	47.1	45.8	44.3	42.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.11	0	0	0.13
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.47	3.33	3.31	3.13	3.27
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	256	256	251	219	160
Nợ ngắn hạn	251	252	246	214	155
Vay và nợ thuê ngắn hạn	178	163	186	169	106
Phải trả người bán ngắn hạn	39.2	50.9	27.6	22.0	22.9
Nợ dài hạn	5.01	4.93	4.95	4.96	4.96
Vay và nợ thuê dài hạn	0.31	0.28	0.25	0.22	0.19
Nguồn vốn chủ sở hữu	142	147	152	146	136
Vốn chủ sở hữu	142	147	152	146	136
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)